

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 49/2023/DS-GĐT

Ngày 27-12-2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tào** và ông **Trần Quốc Cường**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Hương** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đoàn Ngọc Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27-12-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Ngô Văn L**, sinh năm 1960 và bà **Lương Thị L1**, sinh năm 1964; cùng địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Luật sư **Lê Văn P** - Công ty L6 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

**2. Bị đơn:** Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1978 và bà **Lương Thị S**, sinh năm 1974; cùng địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Luật sư **Nguyễn Hương Q** - Văn phòng L7, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Bà Ngô Thị L2**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

**3.2.** Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1981; cụ **Nguyễn B**, sinh năm 1938; cụ **Ngô T1**, sinh năm 1931 và cụ **Huỳnh Thị L3**, sinh năm 1940; cùng địa chỉ cư trú: Khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

**3.3.** Bà **Ngô Thị L4**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

**3.4.** Bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1973; ông **Ngô H**, sinh năm 1971 và bà **Tổng Thị Tuyết N1**, sinh năm 1962; cùng địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

**3.5.** Bà **Ngô Thị S1**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

**3.6.** Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn T2** - Chức vụ: Chủ tịch.

Và một số người làm chứng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, ông Ngô Văn L và bà Lương Thị L1 cùng trình bày:*

Thửa đất tranh chấp có diện tích khoảng 2.200 m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 2.110,5 m<sup>2</sup>) tại khu phố P, thị trấn H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên do ông Ngô Văn L khai hoang từ trước năm 1985, trồng cây dương, bạch đàn, ngô, khoai mì. Sau đó, ông L hoán đổi một phần đất giáp ranh với hộ ông Nguyễn Việt H1. Từ năm 1990, ông L cho bà Đoàn Thị H2 mượn một phần đất canh tác trồng hoa màu. Đến năm 2001, bà H2 trả lại đất cho vợ chồng ông L, thì cụ Ngô T1 (cha của ông L) và ông Ngô Văn T (em trai của ông L) mượn lại diện tích đất này để canh tác trồng khoai mì. Năm 2012, vợ chồng ông Ngô Văn T, Lương Thị S dựng nhà tạm để ở và chăn nuôi. Quá trình quản lý, sử dụng đất, vợ chồng ông L, bà Lương Thị L1 (nguyên đơn) đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Văn T3, bà Phan Thị C, ông Đoàn Xuân N2, bà Lê Thị Đ, ông Đoàn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị L5. Năm 2017, khi vợ chồng ông T, bà S làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì xảy ra tranh chấp với ông L. Ông L, bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Ngô Văn T, Lương Thị S trả lại diện tích đất đã chiếm giữ. Ông L, bà L1 thống nhất tặng cho một phần diện tích đất là 550 m<sup>2</sup> mà ông T, bà S đã xây nhà cấp 4 và có trồng cây trên đất (bao gồm cả diện tích đất làm đường đi chung vào khu đất có chiều rộng khoảng 2,5 m).

Đối với phần diện tích đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi, đề nghị buộc vợ chồng Ngô Văn T, Lương Thị S phải trả lại cho ông L. Ông L đồng ý trả lại phần giá trị tài sản trên đất cho ông T, bà S. Ông, bà không đồng ý yêu cầu phản tố của ông T, bà S.

*- Bị đơn, ông Ngô Văn T và bà Lương Thị S cùng trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Ngô T1 và cụ Huỳnh Thị L3 khai hoang từ trước năm 1990, có diện tích khoảng 2.500 m<sup>2</sup>. Sau khi khai, hoang cụ T1, cụ L3 canh tác trồng ngô, khoai, mì. Đến năm 2001, hai cụ viết Giấy tặng cho toàn bộ diện tích 2.500 m<sup>2</sup> đất này cho ông Ngô Văn T quản lý, canh tác. Vợ chồng ông T trồng cây dương, điều, hoa màu hàng năm và xây dựng nhà ở từ năm 2010 cho đến nay. Năm 2018, ông Ngô Văn L và bà Lương Thị L1 tranh chấp, khởi kiện yêu cầu ông, bà trả lại diện tích 2.500 m<sup>2</sup> đất đang quản lý, sử dụng là không có căn cứ nên ông, bà không chấp nhận; đồng thời, yêu cầu ông L, bà L1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông, bà và yêu cầu Toà án công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông, bà.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/DSST ngày 10-9-2020, Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1.

1. Buộc vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S trả lại diện tích đất 1.530,303 m<sup>2</sup> thuộc khu B, với giới cận: Đông giáp các thửa 241, 242 tờ bản đồ 55; Tây giáp các thửa 08, 09, 10 tờ bản đồ 64; Nam giáp thửa 223 tờ bản đồ 55; Bắc giáp đất khu A, đường đi thuộc khu C và thửa 239 tờ bản đồ 55 để tạm giao cho ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 quản lý, sử dụng.

Ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được quy chủ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Công nhận phần kiến trúc xây dựng trên đất thuộc khu B tại vị trí 05, 06, 07 (gồm chuồng trại kết cấu mái ngói, nền xi măng, móng đá và bi bê tông cốt thép) cho ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng.

Buộc ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 phải hoàn lại cho ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S giá trị tương ứng là 15.289.000 đồng.

*Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.*

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 tạm giao phần diện tích 516,5714 m<sup>2</sup> thuộc khu A (trên đất có nhà và cây xanh do ông T, bà S trồng), với giới cận: Đông giáp các thửa 240, 241 tờ bản đồ 55; Tây giáp đường đi chung thuộc khu C; Nam giáp đất khu B; Bắc giáp các thửa 237, 238 tờ bản đồ 55; cho ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S quản lý, sử dụng.

Ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được quy chủ theo đúng quy định của pháp luật.

**4.** Buộc ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S trả lại phần diện tích đất 62,3971 m<sup>2</sup> thuộc khu C (vị trí tọa độ với các điểm 03, 04, 9a, 2a, 2b) để làm đường đi chung vào đất khu A và khu B (có sơ đồ kèm theo).

- Ngày 21-9-2020, bị đơn là ông Ngô Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2021/DS-PT ngày 28-4-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:*

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 10-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 26-12-2022, Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên quyết định:*

Áp dụng các Điều 158, 221 và 235 của Bộ luật Dân sự; các Điều 101, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai, xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Ngô Văn L và bà Lương Thị L1.

**1.1.** Buộc vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S trả lại diện tích đất 1.530,303 m<sup>2</sup> thuộc khu B với giới cận: Đông giáp đất ông Đặng C1; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M1, Phan Thị C, Đoàn Văn Q1, đường đi; Nam giáp đất bà Đỗ Thị H3, Đỗ Ngọc M2, Hà Như B; Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Hải Y, Trần Thị H4 và Trần Thị Thu H5.

Ông Ngô Văn L và bà Lương Thị L1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được quy chủ theo đúng quy định của pháp luật.

**1.2.** Công nhận phần kiến trúc xây dựng trên đất thuộc khu B tại vị trí 05, 06, 07 (gồm chuồng trại kết cấu mái ngói, nền xi măng, móng đá và bi bê tông cốt thép) cho ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng.

Buộc ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 phải hoàn lại cho ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S giá trị tương ứng là 15.289.000 đồng.

**1.3.** Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 tạm giao phần diện tích 516,5714 m<sup>2</sup> thuộc khu A (trên đất có nhà và cây xanh do ông T, bà S trồng), với giới cận: Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Hải Y, Trần Thị H4, Tây giáp đường đi chung thuộc khu C; Nam giáp đất khu B; Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M1, Phan Thị C.

Ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được quy chủ theo đúng quy định của pháp luật.

**1.4.** Buộc ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S trả lại phần diện tích đất là 62,3971 m<sup>2</sup> thuộc khu C (vị trí tọa độ với các điểm 03, 04, 9a, 2a, 2b) để làm đường đi chung vào đất khu A và khu B (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

**2.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S về yêu cầu ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận diện tích đất 2.110,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa 222, tờ bản đồ 55 cho ông T, bà S vì không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Trong thời hạn quy định ông Ngô Văn T, cụ Ngô T1, cụ Huỳnh Thị L3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 05-01-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 26-12-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2023/DS-PT ngày 29-5-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:*

Áp dụng các Điều 158, 221, 235 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 101, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013

**1.** Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 về yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất 1.530,303 m tại thửa đất số 226, tờ bản đồ 43B (nay là thửa 222, tờ bản đồ 55), vì không có căn cứ pháp luật.

**2.** Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S về yêu cầu nguyên đơn ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Công nhận diện tích đất 2.110,5 m<sup>2</sup> đo đạc thực tế tại thửa đất số 226, tờ bản đồ 43B (nay là thửa 222, tờ bản đồ 55) tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ gia đình bị đơn là ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S (kèm theo bản sơ đồ hiện trạng thửa đất).

Ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quy chủ, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 28-6-2023, ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 và ông Ngô H khiếu nại bản án dân sự phúc thẩm.

*Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 74/QĐ-VKS-DS ngày 07-11-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2023/DS-PT ngày 29-5-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 26-12-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Theo lời khai của những người làm chứng là những hộ dân có đất khai hoang giáp ranh với diện tích đất tranh chấp như bà Nguyễn Thị H6, ông Đỗ Ngọc M2, bà Đỗ Thị H3, ông Nguyễn Văn T3 và ông Nguyễn Việt H7 đều xác định diện tích đất tranh chấp là do ông Ngô Văn L khai hoang từ những năm 1985 để trồng ngô, khoai, mì. Trong quá trình sử dụng đất, ông L còn hoán đổi đất với ông Nguyễn Việt H1 và có hiến đất, mua đất để mở đường đi rộng 2,5 m; lời khai của những người dân ở gần khu đất tranh chấp như các ông, bà Lưu Thị D, Nguyễn Văn H8, Ngô Văn T4, Đoàn Văn Q1, Nguyễn Văn A, Đỗ Ngọc M2 và Lê Tấn S2 đều xác định diện tích đất tranh chấp là do ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 khai hoang trồng khoai, mì, hoa màu; không phải do cụ Ngô T1, cụ Huỳnh Thị L3 (là cha, mẹ của ông L và ông T) khai hoang.

[2]. Theo Biên bản chi trả tiền bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp H giai đoạn II (đợt 1), thì cụ Ngô Tăng ký biên bản tổng hợp khối lượng cây trồng bị ảnh hưởng (ngày 05-3-2003) để nhận tiền bồi thường về cây và hoa màu. Qua xác minh, hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Đ không có hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thu hồi và đền bù cho hộ cụ Ngô Tăng. Do đó, không có căn cứ để xác định cụ Ngô T1, cụ Huỳnh Thị L3 có khai hoang đối với diện tích đất tranh chấp.

[3]. Theo lời trình bày của ông Ngô H (con trai cụ T1, cụ L3) và lời khai của bà Hồ Thị Kim Đ1 (con dâu của cụ T1, cụ L3), thì vợ chồng cụ T1, cụ L3 không khai hoang thửa đất tranh chấp; thửa đất tranh chấp là của vợ chồng anh chị hai (ông L, bà L1) khai hoang trước năm 1990 (khoảng năm 2012); vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S phát sinh mâu thuẫn với cha, mẹ nên không ở được. Khi đó, vợ chồng ông T có xin vợ chồng anh hai (ông L) một phần đất để ra xây dựng tạm trang trại ở và chăn nuôi.

[4]. Bị đơn là ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S và những người trong gia đình như cụ Ngô T1, cụ Huỳnh Thị L3 và các con bà Ngô Thị L2, bà Ngô Thị L4, bà Ngô Thị M, bà Ngô Thị S1 và bà Ngô Thị N cho rằng diện tích đất tranh chấp là do cụ T1, cụ L3 khai hoang. Ngày 07-02-2001, cha mẹ là (cụ T1, cụ L3) viết Giấy tặng cho đất cho ông Ngô Văn T (bản photocopy). Tuy nhiên, Giấy tặng cho đất của cụ Ngô T1, cụ Huỳnh Thị L3 không có chữ ký của ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1

và không được ông L, bà L1 thừa nhận; đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm (lần thứ nhất) ngày 10-9-2020 (bút lục số 336 và số 337), cụ Ngô T1 trình bày cụ không khai hoang diện tích đất nào và cũng không có mâu thuẫn gì với ông Ngô Văn L.

Để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình, phía bị đơn là ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S có xuất trình Giấy xác nhận của một số người dân trú tại khu phố P, thị trấn H, thị xã Đ như bà Ngô Thị O, sinh năm 1960; ông Ngô Quang N3, sinh năm 1951; ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954 (trú tại T, Hòa Hiệp N) có nội dung đất tranh chấp do cụ Ngô T1, cụ Huỳnh Thị L3 khai hoang, nhưng các Giấy xác nhận này đều không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật, không được Tòa án ghi lời khai và những người này được Tòa án triệu tập, nhưng không tham gia các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm để trình bày ý kiến, nên không có cơ sở để chấp nhận tính hợp pháp về nội dung tại các Giấy xác nhận này.

[6]. Như vậy, có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp do ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 khai hoang và quản lý, sử dụng. Sau đó, để cho cha là cụ Ngô T1 và em trai là ông Ngô Văn T canh tác, trồng hoa màu và đến năm 2012, thì vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S xây nhà, chuồng trại tạm để chăn nuôi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S về yêu cầu ông L, bà L1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; đồng thời, công nhận diện tích 2.110,5 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất 222, tờ bản đồ số 55 cho ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Ngô Văn L.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1.** Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 74/QĐ-VKS-DS ngày 07-11-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**2.** Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2023/DS-PT ngày 29-5-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 26-12-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn là ông Ngô Văn L, bà Lương Thị L1 với bị đơn là ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**3.** Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ khoản 6, khoản 7 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Ngô Văn T và bà Lương Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006643 ngày 04-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Cụ Ngô T1 và cụ Huỳnh Thị L3 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006649 ngày 10-01-2023 của Chi cục Thành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Trường hợp ông Ngô Văn T, bà Lương Thị S, cụ Ngô T1 và cụ Huỳnh Thị L3 đã nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm, thì ông T, bà S, cụ T1 và cụ L3 phải nộp lại số tiền án phí dân sự phúc thẩm nêu trên.*

**4.** Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- TAND thị xã Đông Hòa;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng GDKT II, Phòng HCTP và Phòng LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Việt Cường**